TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 579/2021/HS-PT Ngày 18 tháng 11 năm 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Mai Anh Tài.

Thư ký phiên tòa: *Ông Ngô Ngọc Hưng*, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, *Kiểm sát viên* cao cấp.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hình sự thụ lý số 986/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020. Do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

1. Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị:

1.1. Họ và tên: **Tạ Thị H**, sinh năm 1986 tại Hà Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn Q và con bà Vũ Thị T; Chồng là Nguyễn Văn V; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2019, đến ngày 19/12/2019 chuyển tạm giam. Ngày 21/5/2021, tại Quyết định số 32a/2021/HSPT-QĐ, TAND cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm do bị cáo rút kháng cáo. Hiện đang chấp hành phần hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an Hà Nam; Có mặt.

1.2. Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1981 tại Hà Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q và bà Quách Thị A; vợ là Tạ Thị H; Có 03 con,

lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2019, đến ngày 19/12/2019 chuyển tạm giam. Ngày 21/5/2021, tại Quyết định số 32a/2021/HSPT-QĐ, TAND cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm do bị cáo rút kháng cáo. Hiện đang chấp hành phần hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an Hà Nam; Có mặt.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; Nơi cư trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện L, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị M: Ông Trần Hồng Lĩnh, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lĩnh Chính Thắng - Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; Có mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo H và V: Ông Nguyễn Văn C, Luật sư Công ty luật TNHH Hà Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam; Có mặt.

5. Trong vụ án còn có: Người bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Văn T được Ủy ban nhân dân(UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ PL02, diện tích 180m^2 tại tổ dân phố N, thị trấn T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi ông Thạch mất, ngày 09/11/2017, bà Minh đã họp gia đình để phân chia di sản thừa kế, các thành viên trong gia đình cùng thống nhất giao cho bà Minh có toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với thửa đất trên. Ngày 14/11/2017, bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 180m^2 bán cho Nguyễn Văn V và Tạ Thị H, với giá 3.000.000.000đồng. Cùng ngày, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp GCNQSDĐ và tài sản trên đất cho vợ chồng Nguyễn Văn V và Tạ Thị H. Ngày 01/10/2018, vợ chồng V và Hòa làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán thửa đất này cho anh Nguyễn Văn H, trú tại Tổ dân phố N, thị trấn T với giá 3.500.000.000đồng. Mặc dù đã bán đất cho anh Nguyễn Văn H nhưng do cần tiền để trả nợ, chi tiêu cá nhân, Tạ Thị H và Nguyễn Văn V vẫn nói với vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Trịnh Xuân L trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn T muốn bán thửa đất mà vợ chồng V, Hòa đã bán cho anh Nguyễn Văn H. Sau khi thỏa thuận, bà Nguyễn Thị L đã đồng ý mua thửa đất trên với giá 1.600.000.000đồng. Ngày 02/11/2018, bà L đã đưa cho Tạ Thị H 800.000.000đồng tiền đặt cọc để mua đất. Sau khi nhận tiền, Tạ Thị H viết giấy biên nhận có chữ ký của người nhận tiền là Nguyễn Văn V và Tạ Thị H, người giao tiền là bà Nguyễn Thị L, ông Trịnh Xuân L và người làm chứng là bà Nguyễn Thị M. Ngày 26/11/2018, Tạ Thị H nhận tiếp 500.000.000đồng tiền mua đất của ông Lộc, bà L rồi viết giấy thỏa thuận chuyển

nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của Tạ Thị H, Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L, ông Trịnh Xuân L và ông Lê Quang V (Trưởng Công an xã T), bà Nguyễn Thị M ký với tư cách người làm chứng. Ngày 29/11/2018, Nguyễn Văn V nhận tiếp 100.000.000đồng tiền mua đất của ông Lộc, bà L. Tổng số tiền bán đất mà Tạ Thị H, Nguyễn Văn V đã nhận của ông Lộc, bà L là 1.400.000.000đồng. Sau khi biết thửa đất đã được Tạ Thị H, Nguyễn Văn V bán cho anh Nguyễn Văn H trước đó, bà Nguyễn Thị L làm đơn tố cáo Tạ Thị H và Nguyễn Văn V về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 21/12/2018, do bị nhiều người đòi nợ và không còn khả năng thanh toán các khoản nợ, nên Tạ Thị H cùng Nguyễn Văn V bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra, xác định được trong khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến tháng 11/2018, Tạ Thị H không có tài sản, mất khả năng thanh toán các khoản nợ, nhưng bị cáo Hòa lợi dụng danh nghĩa kinh doanh hàng tạp hóa, cửa hàng sơn để tạo lòng tin và đưa ra các thông tin gian dối vay tiền. Sau khi vay được tiền, Hòa sử dụng để trả nợ cho các khoản vay khác rồi bỏ trốn khỏi địa phương chiếm đoạt số tiền đã vay, cụ thể: Từ cuối năm 2016 đến tháng 11/2017, lợi dụng mối quan hệ quen biết, lấy lý do cần tiền nhập hàng tạp hóa và mua sơn, Tạ Thị H đã nhiều lần vay của bà Nguyễn Thị N, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, tổng số tiền 500.000.000đồng. Sau khi nhận được tiền, Hòa không sử dụng để nhập hàng tạp hóa và kinh doanh sơn mà sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Do bị bà N nhiều lần đòi nợ và không có tiền trả, nên ngày 30/9/2018, Hòa đã viết giấy bán cho bà N 02 thửa đất số 76, 87, tờ bản đồ PL09, tại tổ dân phố Đ, thị trấn T với giá 600.000.000đồng, bà N đồng ý mua và thống nhất trừ 500.000.000đồng tiền H đã vay, còn 100.000.000đồng, khi nào H giao GCNQSDĐ thì bà N sẽ trả nốt. Thực chất 02 thửa đất này do vợ chồng H, V vay tiền mua vào năm 2017, 2018 với tổng giá trị 500.000.000đồng, ngay sau đó Hòa đem thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện L để vay 850.000.000đồng. Sau khi biết H bỏ trốn khỏi địa phương, bà N đã làm đơn tố cáo Hòa về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Thông qua mối quan hệ quen biết với chị Đỗ Thị P, trú tại tổ dân phố N, thị trấn T và được chị P giới thiệu, ngày 26/8/2018, Hòa gặp và hỏi vay anh Ngô Công TA, trú tại thôn L, xã P, huyện L 100.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là một tháng. Theo H khai, anh TA cho H vay tính lãi suất tháng đầu là 6.000đ/1 triệu/1 ngày, tháng tiếp theo là 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Hòa đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 48.000.000đồng, nhưng anh TA xác định cho H vay 100.000.000đồng với lãi suất 2.000đ/1 triệu/1 ngày, Hòa chưa trả tiền lãi. Số tiền vay được của anh TA, H sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi biết H bỏ trốn, anh TA đã làm đơn tố cáo Hòa ra Công an.

Cũng thông qua chị Đỗ Thị P giới thiệu, ngày 08/11/2018, Tạ Thị H hỏi vay của bà Đỗ Thị NA, trú tại tổ dân phố N, thị trấn T số tiền 170.000.000đồng để kinh

doanh, với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, bà NA đồng ý cho vay nhưng yêu cầu viết giấy biên nhận và có chữ ký của chồng là Nguyễn Văn V. Theo yêu cầu của bà NA, H viết giấy vay tiền rồi mang về đưa cho V ký, sau đó đưa lại cho bà NA. Theo bà NA khai, khi cho H vay tiền, bà NA đã cắt lãi trước 10.000.000đồng, sau đó Hòa đã trả tiền lãi nhiều lần với số tiền là 15.000.000đồng. Tổng số tiền lãi, bà NA đã nhận của Hòa là 25.000.000đồng. Tạ Thị H xác định, khi vay tiền bà NA đã cắt lãi ngay 20.000.000đồng đến tháng tiếp theo đã trả cho bà NA tiền lãi là 27.500.000đồng. Tổng số tiền H đã trả lãi cho bà NA là 47.500.000đồng nhưng không có căn cứ chứng minh. Số tiền vay được của bà NA, H sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn khỏi địa phương, sau khi Hòa bỏ trốn, bà NA làm đơn tố cáo H đến Công an.

Quá trình điều tra, đã thu giữ các giấy biên nhận vay tiền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của Nguyễn Văn V và Tạ Thị H; đồng thời lấy mẫu chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn V và Tạ Thị H và ra quyết định trưng cầu giám định các mẫu chữ ký, chữ viết trên các giấy biên nhận và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại Kết luận giám định số 07/TL-PC09 ngày 08/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Chữ ký mang danh Nguyễn Văn V và chữ viết Nguyễn Văn V tại tài liệu giám định và tài liệu so sánh do cùng 1 người viết ra; Chữ ký mang danh Tạ Thị H và chữ viết Tạ Thị H tại tài liệu giám định và tài liệu so sánh do cùng 1 người viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: ông Trịnh Xuân L, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tạ Thị H, Nguyễn Văn V hoàn trả số tiền 1.400.000.000đồng; bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tạ Thị H hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng; bà Đỗ Thị NA yêu cầu Tạ Thị H hoàn trả số tiền 170.000.000đồng; anh Ngô Công TA yêu cầu Tạ Thị H trả số tiền 100.000.000đồng. Đến nay các bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự đối với Tạ Thị H và Nguyễn Văn V. Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tạ Thị H. Tuyên bố bị cáo Tạ Thị H và Nguyễn Văn V phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt Tạ Thị H 15 năm 6 tháng tù (Mười lăm năm sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/12/2019. Xử phạt Nguyễn Văn V 13 năm tù (Mười ba năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/12/2019. Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, bà Nguyễn Thị M kháng cáo đề nghị trả hồ sơ để điều tra lại và xác định bà Minh là bị hại trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Tạ Thị H, bị cáo Nguyễn Văn V xác định vào năm 2017 có ký hợp đồng chuyển nhượng đất với bà Minh, việc mua bán ngay tình, làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng hợp pháp, đã được cấp GCNQSDĐ, sau đó H và V bán lại cho anh Nguyễn Văn H công chứng hợp pháp, anh Hòa đã được cấp GCNQSDĐ, tuy nhiên, do nợ nần nhiều, Hòa và V ký giấy bán mảnh đất này cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Trịnh Xuân L lấy số tiến 1.400.000.000đồng, việc này có ông Lê Quang V (Trưởng Công an xã T) và bà Nguyễn Thị M ký với tư cách người làm chứng, H và V xác định việc bà Minh bán đất là có thật và tự nguyện, không có việc mượn đứng tên để ký vay ngân hàng sau đó hai bị cáo lừa bà Minh, bản án sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội và mức hình phạt đã xử phạt hai bị cáo là phù hợp và bản án đã có hiệu lực, hiện hai bị cáo đã đi chấp hành hình phạt, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm để hai bị cáo yên tâm cải tạo tốt.

Bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị M: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để trả hồ sơ để điều tra bổ sung, làm rõ hành vi của Tạ Thị H và Nguyễn Văn V đã gian dối lừa đảo chiếm đoạt quyền sử dụng nhà đất của bà Nguyễn Thị M, cần xác định bà Minh là người bị hại trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bà Minh, kết luận: Bị cáo Tạ Thị H và bị cáo Nguyễn Văn V bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật; về hình phạt đã xử phạt Tạ Thị H 15 năm 6 tháng tù, xử phạt Nguyễn Văn V 13 năm tù là phù hợp, hiện hai bị cáo đã đi chấp hành án tù. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, xét thấy, các căn cứ kháng cáo và quan điểm của Luật sư tại phiên tòa là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng bà Minh vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bà Minh theo quy định; Đối với đề nghị của Luật sư cần triệu tập Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam, Trưởng phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Nam, ông Lê Văn

Vui và đề nghị hoãn phiên tòa, xét thấy, các yêu cầu của Luật sư không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2]. Về hành vi phạm tội: Bị cáo Tạ Thị H và bị cáo Nguyễn Văn V thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết là đúng pháp luật, không oan. Lời khai nhận tội của H và V phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm, phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Cấp phúc thẩm thống nhất với nhận định và kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Trong thời gian từ ngày 02/11/2018 đến ngày 26/11/2018 tại thị trấn T, huyện L, tỉnh Hà Nam, bị cáo Tạ Thị H và Nguyễn Văn V đã bán thửa đất số 168, diện tích 180m^2, tờ bản đồ PL02, thuộc Tổ dân phố N, thị trấn T cho anh Nguyễn Văn H, nhưng Hòa và V vẫn đưa ra thông tin gian dối, tiếp tục bán thửa đất này cho vợ chồng ông Trịnh Xuân L và bà Nguyễn Thị L, để chiếm đoạt số tiền 1.400.000.000đồng. Số tiền chiếm đoạt được, Hòa và V dùng trả nợ, chi tiêu cá nhân. Cũng trong thời gian từ cuối năm 2016 đến tháng 11 năm 2018, mặc dù không có tài sản, không có khả năng trả nợ, nhưng với mục đích chiếm đoạt tài sản, bị cáo Tạ Thị H đưa ra thông tin gian dối để hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị N 500.000.000đồng, bà Đỗ Thị NA 170.000.000đồng và anh Ngô Công TA 100.000.000đồng. Chiếm đoạt được số tiền đã vay của các bị hại là 770.000.000đồng, bị cáo Hòa dùng để trả nợ, chi tiêu cá nhân rồi cùng với Nguyễn Văn V bỏ trốn khỏi địa phương. Với hành vi nêu trên của bị cáo Tạ Thị H và bị cáo Nguyễn Văn V đã cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", với tình tiết định khung hình phạt: "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã xử phạt bị cáo Tạ Thị H và bị cáo Nguyễn Văn V theo tội danh, điểm, khoản, điều luật đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Trên cơ sở đánh giá khách quan, đầy đủ các chứng cứ của vụ án, cấp sơ thẩm đã xem xét đúng tính chất, hành vi, vai trò, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, tình hình đấu tranh phòng chống với loại tội này, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Tạ Thị H 15 năm 6 tháng tù và xử phạt Nguyễn Văn V 13 năm tù là phù hợp. Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Tạ Thị H, bị cáo Nguyễn Văn V có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng sau đó bị cáo Hòa và bị cáo V đã tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 21/5/2021, tại Quyết định số 32a/2021/HSPT-QĐ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo bị cáo Hòa, bị cáo V. Hiện hai bị cáo đã đi chấp hành hình phạt theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, xét thấy: Vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Văn T được Ủy ban nhân dân(UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) ngày 05/6/2005 đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ PL02, diện tích 180m^2 và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 3 diện tích xây dựng

80m^2 tại tổ dân phố N, thị trấn T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi ông Thạch mất, ngày 09/11/2017, bà Minh đã họp gia đình để phân chia di sản thừa kế, các thành viên trong gia đình thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch gồm vợ và các con: bà Minh, chị Đỗ Thị Thanh, chị Đỗ Thị Hường và anh Đỗ Việt Hùng đã lập: "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế" tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Nam, nội dung cùng thống nhất tặng cho kỷ phần thừa kế của mình từ di sản thừa kế của ông Thạch cho bà Minh được hưởng, bà Minh có toàn quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Ngày 10/11/2017, bà Minh đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất, nội dung trên Giấy chứng nhận trước khi biến động tên chủ sử dụng là ông Thạch và bà Minh, nội dung sau khi biến động tên chủ sử dụng là bà Minh. Ngày 13/11/2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L đã vào sổ số 93, quyển 02, đồng thời ghi biến động vào GCNQSDĐ. Như vậy, căn cứ Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự toàn bộ khối tài sản nhà đất nêu trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Minh. Ngày 14/11/2017, bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 180m^2 và tài sản trên đất bán cho Nguyễn Văn V và Tạ Thị H, hợp đồng được lập tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Nam. Cùng ngày, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp GCNQSDĐ và tài sản trên đất cho vợ chồng Nguyễn Văn V và Tạ Thị H. Ngày 01/10/2018, vợ chồng V và Hòa làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán thửa đất này cho anh Nguyễn Văn H, trú tại Tổ dân phố N, thị trấn T, với giá 3.500.000.000đồng. Ngày 02/10/2018, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn H. Mặc dù đã bán đất cho anh Hòa, nhưng do cần tiền để trả nợ, Hòa và V vẫn nói với vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Trịnh Xuân L muốn bán thửa đất mà vợ chồng V, Hòa đã bán cho anh Hòa. Sau khi thỏa thuận, bà L đồng ý mua thửa đất trên với giá 1.600.000.000đồng. Việc này được thể hiện tại Giấy biên nhận ngày 02/11/2018, bà L đã đưa cho Hòa 800.000.000đồng tiền đặt cọc để mua đất, Hòa viết giấy biên nhận có chữ ký của người nhận tiền là V và Hòa, người giao tiền là bà L, ông Trịnh Xuân L và người làm chứng là bà Nguyễn Thị M; Giấy thỏa thuận chuyển nhượng đất ở ngày 26/11/2018, thể hiện bên chuyển nhượng là V và Hòa, bên được chuyển nhượng là ông Lộc và bà L, người làm chứng là bà Nguyễn Thị M và ông Lê Quang V Hòa là Trưởng Công an xã T, nội dung thỏa thuận Hòa và V có thửa đất số 168, tờ bản đồ PL2, địa chỉ thôn N, diện tích 180m^2...sau khi chuyển nhượng nhận đủ số tiền mà bên được chuyển nhượng giao cho, bên chuyển nhượng bàn giao nhà đất ở và bìa đỏ cho bên được chuyển nhượng hộ ông Lộc và bà L, thỏa thuận này đã được đọc lại cho tất cả các thành phần trên nghe và nhất trí ký nhận, đồng thời Hòa và V nhận tiếp 500.000.000đồng tiền mua đất của ông Lộc và bà L. Ngày 29/11/2018, V nhận tiếp 100.000.000đồng. Tổng số tiền bán đất mà Hòa, V đã nhận của ông Lộc, bà L là 1.400.000.000đồng. Khi biết thửa đất đã được Hòa, V bán cho anh Hòa trước đó, bà L làm đơn tố cáo, do có hành vi gian dối Hòa và V đã bị khởi tố, truy tố và xét xử về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ông Lộc và bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hòa và V xác định bà Minh không biết việc trước đó đã bán đất cho anh Hòa, bà Minh cũng không được chia tiền khi bán đất cho ông Lộc và bà L, bà Minh chỉ là người làm chứng, vì vậy, không có căn cứ xác định bà Minh đồng phạm với Hòa, V trong việc bán đất cho ông Lộc, bà Hòa. Như vậy, căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 180m^2 và tài sản trên đất ngày 14/11/2017, Giấy biên nhận ngày 02/11/2018, Giấy thỏa thuận chuyển nhượng đất ở ngày 26/11/2018, thì ý trí của bà Nguyễn Thị M xác định nhà đất nêu trên vợ chồng Hòa và V đã được cấp GCNQSDĐ, bà Minh hai lần làm chứng cho Hòa và V chuyển nhượng cho ông Lộc và bà L. Việc bà Nguyễn Thị M kháng cáo cho rằng Tạ Thị H và Nguyễn Văn V đã gian dối, nên bà Minh ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để Hòa, V thế chấp ngân hàng và vay của bà Minh 1.200.000.000đồng không trả, tuy nhiên, Hòa và V xác định không vay của bà Minh số tiền 1.200.000.000đồng, việc chuyển nhượng nhà đất là có thật, ngoài lời khai của bà Minh thì không có tài liệu nào chứng minh. Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, lời khai của Công chứng viên, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, lời khai của những người liên quan, xác định Hòa và V đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 168, diện tích 180m^2, tờ bản đồ PL02 ở tổ dân phố N, thị trấn T của bà Minh theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, cấp sơ thẩm xét xử hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Tạ Thị H và Nguyễn Văn V đối với các bị hại: bà L, ông Lộc, bà NA, bà N và anh TA, xác định bà Minh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Đối với nội dung kháng cáo của bà Minh cho rằng bị vợ chồng V và Hòa lừa đảo, bà Minh phải là bị hại trong vụ án, xét thấy, bà Minh đã có đơn tố cáo, ngày 27/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã có văn bản chuyển nội dung đơn đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam để giải quyết theo thẩm quyền, vì vậy, cấp sơ thẩm nhận định bà Minh tiếp tục liên hệ Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam giải quyết, hoặc có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của bà Minh cũng như quan điểm của Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra xét xử lại không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Quan điểm đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M kháng cáo không được chấp nhận, nhưng không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo pháp luật.

[7]. Về Quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

2. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, về việc xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967. Nơi cư trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện L, tỉnh Hà Nam và các quyết định của bản án sơ thẩm có liên quan đến bà Nguyễn Thị M.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- TTG Công an tỉnh Hà Nam;
- Các Bị cáo(qua Trai tạm giam);
- Người liên quan có kháng cáo;(Theo địa chỉ)
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Đặng Đình Lực